

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 555/2025/DS-PT
Ngày 14-8-2025
“V/v Tranh chấp dân sự về
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Ông Hứa Quang Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Viết Hùng, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Đạm,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 345/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 07 năm 2025, về việc “*Tranh chấp dân sự về nợ hụi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2025/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 450/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 07 năm 2025 giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1979; Căn cước công dân:, Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày

Địa chỉ: Số E, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là số E, ấp H, xã T, Tỉnh Đồng Tháp) – Có mặt tại phiên tòa;

*** Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1958 - Có mặt tại phiên tòa;;

2. Ông Đặng Văn L, sinh năm 1953 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số E, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là số E, ấp H, xã T, Tỉnh Đồng Tháp);

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Ngọc S: Chị Đặng Ngọc D, sinh năm: 1990 – Vắng mặt;

Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Địa chỉ liên lạc: Số E, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là số E, ấp H, xã T, Tỉnh Đồng Tháp) (theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2025).

** Người kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc S là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2024, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thanh T làm chủ nhiều dây hụi và bà Nguyễn Ngọc S là hụi viên, trong đó có dây hụi khui ngày 24/5/2022ÂL. Cụ thể vào ngày 24/5/2022 ÂL, chị T có mở một dây hụi 1.000.000đ/phần, gồm 32 phần và bà S có tham gia một phần, (khui ngày 24/5/2022 ÂL hụi mãi ngày 24/11/2024 ÂL). Khi khui hụi chị T có lập danh sách hụi viên ghi rõ từng thành viên tham gia hụi và giao cho mỗi hụi viên giữ một bản. Trong danh sách hụi viên bà S tham gia một phần theo danh sách hụi số thứ tự là 13 với tên gọi là bà 7 L1 (bà G L) là ghi theo tên chồng và con của bà S. Hụi khui đến lần thứ 2 thì bà S bỏ hụi 375.000 đồng để hốt hụi và đã hốt được số tiền là 19.350.000 đồng. Khi bà S hốt hụi thì chị T có đưa cho bà S một tờ giấy màu xanh ghi “Hụi 1.000.000đ (Một triệu đồng) ngày 24/05 ÂL/2022 1 tháng khui một lần (gồm 32 phần)” ghi danh sách hụi viên và ghi rõ: 1 Phần hụi chết là 1.000.000đ, 30 phần hụi sống là 18.750.000đ, tổng cộng tiền hụi hốt là 19.750.000đ, trừ tiền huê hồng cho chủ hụi là 400.000đ nên số tiền bà S hốt được là 19.350.000 đồng và chị T đưa tờ giấy này cho bà S giữ. Còn bà S nhận tiền thì ký vào sổ giao hụi của chị T giữ. Sở dĩ trong sổ cam kết hốt hụi và giao hụi bà S ký tên “Bảy” là do chị T ghi tên “Bà 7 Lâm (L1)” là ghi theo tên thường gọi của bà S. Sau khi hốt hụi thì số lần hụi chết mà bà S phải đóng lại cho chị T là 30 lần tương đương số tiền là 30.000.000 đồng nhưng bà S chỉ đóng lại hụi chết được 05 lần với số tiền là 5.000.000 đồng, đến lần khui thứ 8 là còn 25 lần hụi chết nữa thì bà S không đóng tiếp. Dây hụi này đã mãi từ tháng 11/2024 và chị T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà S, ông Lâm Đ đủ số tiền hụi còn nợ là 25.000.000 đồng nhưng bà S chỉ hứa hẹn mà không chịu trả tiền cho chị T.

Đối với tờ giấy có tiêu đề “Hụi 1.000.000đ (Một triệu đồng) ngày 24/05 ÂL/2022 1 tháng khui một lần (gồm 32 phần)” mà phía bà S cung cấp. Tờ giấy này là của chị T đưa cho bà S giữ khi bà S hốt hụi thì chị T ghi vào tờ giấy này số tiền chị T giao hụi và ký tên của chị T xác nhận rồi đưa chị bà S giữ (các hụi viên khác khi hốt hụi chị T đều làm như vậy). Tờ giấy này bà S không ký tên vào và cũng không có ghi thêm gì vào. Còn trong tờ giấy mà bà S cung cấp có ghi thêm nội dung bằng bút mực trên chữ ký của bà S có nội dung “số tiền hốt hụi này cản trừ vào tiền mượn, 20.500.000đ” là không phải do chị T ghi. Mà sau khi đưa tờ giấy hốt hụi cho bà S thì có thể bà S đã tự ghi thêm vào ở phần trống ở trên. Còn số tiền vay 20.500.000đ thì chị T đã khởi kiện bà S ở vụ kiện khác và đã được Tòa án hòa giải thành và bà S phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền vay là 20.500.000đ và 02 chỉ vàng 24K_{tr}, hiện nay Thi hành án đang thi hành.

Việc vào tháng 02/2024, chị T khởi kiện bà S và ông L yêu cầu trả tiền vay mà chưa khởi kiện về tiền hụi là do các dây hụi mà bà S tham gia chưa có

mãn nên chưa khởi kiện được. Ngoài dây hụi này thì bà S còn tham gia tổng cộng 02 dây hụi nữa và cũng đã hốt hụi xong nhưng chưa đóng hụi chết lại nên chị T đã khởi kiện thêm một dây hụi đã đến hạn và Tòa án đang thụ lý giải quyết bằng một vụ kiện khác. Còn một dây hụi đến tháng 04/2026 mới mãn nên chị T chưa khởi kiện.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà S có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền hụi chết trong dây hụi khai ngày 24/5/2022a1 còn nợ là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Do không có chứng cứ chứng minh ông L cùng tham gia hụi với bà S trong dây hụi này nên nay chị T chỉ yêu cầu một mình bà S phải có nghĩa vụ trả số tiền hụi cho chị T, chị T không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà S trả cho chị T số tiền hụi còn nợ. Do đó, chị T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Đặng Văn L về việc liên đới cùng với bà S trả nợ hụi cho chị T.

Đối với yêu cầu phản tố của bà S về việc yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà S số tiền hụi đã đóng là 6.000.000 đồng thì chị T không đồng ý. Vì số tiền hụi này bà S đóng cho dây hụi mà bà S đã hốt nhưng chưa đóng lại tiền hụi chết cho chị T và chị T đang khởi kiện yêu cầu bà S trả tiền hụi còn nợ. Hơn nữa số tiền mà bà S trình bày đã đóng cho chị T 6.000.000 đồng cũng không chính xác, vì bà S chỉ đóng có 05 lần hụi chết là 5.000.000 đồng và một lần hụi sống đầu tiên hụi viên bỏ 355.000 đồng nên số tiền hụi sống bà S đóng là 645.000 đồng, nên số tiền hụi mà bà S đã trong dây hụi này tổng cộng chỉ có 5.645.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

2. Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Ngọc S do chị Đặng Ngọc D đại diện trình bày:

Thừa nhận bà S có tham gia 03 dây hụi do chị Nguyễn Thị Thanh T làm chủ hụi, trong đó có dây hụi khai ngày 24/05/2022 âm lịch, mỗi phần là 1.000.000đ (một triệu đồng), gồm 32 phần, mỗi tháng khai một lần. Trong danh sách hụi bà S đứng số thứ tư số 13 tên là bà 7 (L1). Hụi khai đến lần thứ 2 vào ngày 24/06/2022 âm lịch. Chị T tự bỏ phiếu 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) bắt bà S hốt hụi để trả tiền cho chị T. Tiền hụi được tính như sau: một phần hụi chết 1.000.000đ (một triệu đồng) và 30 phần hụi sống là 18.750.000đ (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tổng số tiền là 19.750.000đ (mười chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trừ tiền hoa hồng cho chủ hụi 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) tổng số tiền chủ hụi phải giao cho bà S là 19.350.000đ (mười chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T không giao tiền hụi cho bà S mà trừ trực tiếp vào số tiền bà S mượn trước đó của chị T tổng số tiền mặt mượn là 20.500.000đ (hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng) và 02 (hai) chỉ vàng 24 kara (vàng 9999). Chị T chỉ đưa cho bà S một tờ giấy ghi tổng số tiền hụi có chữ ký của chị T và chữ ký của bà S có ghi rõ nội dung cần trừ số tiền và vàng mà bà S đã mượn. Dòng chữ “số tiền hốt hụi này cần trừ vào tiền mượn, 20.500.000đ” là do bà S ghi và chị T đã thỏa thuận ghi và ký tên của hai bên và bà S không ký vào bất kỳ một tờ giấy nào khác về việc giao tiền như chị T trình bày.

Sau khi hót hụi bà S có đóng thêm 05 lần hụi chết nữa tổng số tiền đã đóng hụi chết là 5.000.000đ (năm triệu đồng), nhưng sau đó bà S không đóng nữa vì thấy chị T vẫn tính tiền lãi với bạc 8 phân của số tiền vay 20.500.000đ mỗi tháng là 1.640.000đ (một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) và hai chỉ vàng với số tiền lãi là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) yêu cầu bà S phải đóng nên bà S không đồng ý đóng hụi nữa. Việc bà S không đồng ý tham gia dây hụi này nữa thì bà S chỉ trao đổi bằng lời nói với chị T và không đóng hụi nữa, chứ không có làm giấy tờ gì.

Số tiền vay 20.500.000đ và vàng 02 chỉ vàng 24Kr mà bà S đã vay của chị T đã được Tòa án nhân dân huyện Lập Vò giải quyết theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 41/2024/QĐST-DS ngày 23/4/2024 và hiện nay đang thì hành án theo quyết định số 832/QĐ-CCTHADS ngày 08 tháng 05 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

Nay bà S không đồng ý trả số tiền hụi theo như yêu cầu của chị T vì tờ giấy cam kết giao hụi và hót hụi theo danh sách số thứ tự 13 ghi tên là Bà 7 Lâm (L1) nhưng ký tên bà “Bảy”, gia đình của bà S không có ai tên B nên khi giao hụi ký tên “Bảy” là không phải tên của bà S nên chứng tỏ chị T không giao hụi cho bà S nhận. Đồng thời, bà S có yêu cầu phản tố là yêu cầu chị T phải hoàn trả cho bà S tổng số tiền hụi mà bà S đã đóng là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) trong đó có một tháng hụi sống là 1.000.000đ (một triệu đồng) và 5 phần hụi chết mà bà S đã đóng là 5.000.000đ (năm triệu đồng) vì chị T không trừ số tiền, vàng vay và cũng như không giao tiền hụi cho bà S nên bà S yêu cầu chị T phải trả lại. Về số tiền hụi sống phía bà S yêu cầu 1.000.000đ là do nguyên tắc tham gia hụi thì số tiền hụi chết của phần hụi viên đã hót thì hụi viên chưa hót hụi được hưởng trọn số tiền là 1.000.000đ nên bà S sẽ được hưởng số tiền này.

Phía chị D cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành giám định đối với chữ viết “Bảy” trong tờ “cam kết hót hụi và giao hụi khai ngày 24/5a1/2022” tại số thứ tự 13 bà 7 L (L1). Vì phía chị D cũng đã thừa nhận dây hụi mà chị T khởi kiện thì sau khi khai ở lần thứ hai thì phía chị T đã yêu cầu bà S hót dây hụi này để trừ số tiền nợ vay. Do đó, khi hót hụi thì chị T đã tính số tiền hót hụi được là 19.350.000 đồng nhưng chị T không giao số tiền hụi này cho bà S nhận mà chị T và bà S đã thỏa thuận trừ vào số tiền vay 20.500.000 đồng nên bà S đã ghi vào danh sách hụi viên dòng chữ “số tiền hót hụi này trừ vào số tiền vay 20.500.000”, có hai bên thống nhất ghi và ký tên vào giấy. Hơn nữa, gia đình của bà S không có ai tên là “B” nên việc bà B ký tên xác nhận nhận tiền hụi của chị T thì không liên quan đến bà S.

Mặt khác, việc tham gia hụi là do một mình bà S tham gia với chị T, còn ông L là chồng của bà S không có tham gia và tiền hót hụi bà S cũng dùng để trừ số tiền nợ mà bà S vay để chi xài cá nhân nên không liên quan đến ông L.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số: 41/2025/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp) đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Nguyễn Ngọc S. Buộc bà Nguyễn Ngọc S phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền hui còn nợ của dây hui mở ngày 24/5/2022 âm lịch là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Ngọc S về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T hoàn trả lại số tiền hui chết đã đóng trong dây hui mở ngày 24/5/2022 âm lịch với số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).
2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu ông Đặng Văn L có nghĩa vụ cùng với bà Nguyễn Ngọc S trả nợ cho chị T.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thanh T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001629 ngày 26/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Tháp).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 05 năm 2025, bà Nguyễn Ngọc S kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số: 41/2025/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và bà S yêu cầu nguyên đơn trả lại cho bà S số tiền 6.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn. Yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Ngọc S trả số tiền nợ số tiền 25.000.000 đồng.

Bị đơn là bà Nguyễn Ngọc S trình bày: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bên bà S. Giữ nguyên nội dung quyết định bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn là bà Nguyễn Ngọc S về việc nợ hui nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp nợ hui*” là phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà S không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án T1 thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc S, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Việc bà Nguyễn Ngọc S tham gia dây hui do chị Nguyễn Thị Thanh T làm chủ và có hốt hui lần khai thứ hai với số tiền 19.350.000 đồng là có cơ sở xác thực. Bởi vì, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà S là chị D và tại phiên tòa phúc thẩm bà S đã thừa nhận có tham gia dây hui mở ngày 24/5/2022 âm lịch. Sau khi hốt hui thì phía bà S có đóng tiền hui chết 05 (năm) lần, chứng tỏ rằng bà S có tham gia hui do chị T làm chủ và xác nhận đã hốt hui. Bà S cho rằng chữ ký “Bảy” trong “Tờ cam kết hốt hui và giao hui” không phải là của bà S, vì “bà B” không phải là bà S. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm thì bà S xác định, từ trước đến nay trong các giao dịch nợ, hui với chị T thì bà S đều có ký chữ ký tên là “Bảy”, có khi ký tên là “Sương” và thừa nhận chữ “S” trong giấy giao nhận hui chị T giao ngày 24/05/2022 ÂL là của bà S, do đó lời trình bày của bà S là không nhất quán, có dấu hiệu thiếu trung thực. Xét thấy chữ “Bảy” trong tờ cam kết hui do bà S viết ra phù hợp với tên gọi trong danh sách hui viên của bà S tham gia.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà S cũng thống nhất nội dung nợ chị T số tiền 20.500.000 đồng, bà S có trình bày là chị T có giữ lại số tiền 19.500.000 đồng để trừ vào nợ hui. Tuy nhiên tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 41 ngày 23/04/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò (hơn 2 năm sau ngày bà S hốt hui ngày 24/5/2022), thì bà S và chồng là ông Đặng Văn L lại tiếp tục thừa nhận còn nợ chị T và tiếp tục trả cho chị T số tiền 20.500.000 đồng và 02 chỉ vàng 24kara (Vàng 9999) là không phù hợp vì theo bà S trình bày chị T đã cắt trừ 19.500.000đ vào nợ 20.500.000đ thì số nợ này chỉ còn lại 1.000.000đ

mà thôi. Do đó, lời trình bày của bà S là không có căn cứ. Bà S không thừa nhận chữ viết “Bảy” trong tờ cam kết hội là do bà S viết ra nhưng bà S không yêu cầu giám định chữ viết này, nên không đủ cơ sở để chứng minh cho việc từ chối trả tiền hội đã hót cho chị T.

Đối với việc bà S có yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T phải hoàn trả số tiền đã đóng hội là 6.000.000 đồng (gồm 1 lần hội sống và 5 lần hội chết). Hội đồng xét xử xét thấy: Số tiền này chính là các khoản đóng trong dây hội Hội 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) ngày 24/05 ÂL/2022 một tháng khui một lần (gồm 32 phần) mà bà S phải đóng sau khi đã hót hội. Việc bà S đã hót hội mà không đóng hội chết đầy đủ là hành vi vi phạm nghĩa vụ của hội viên. Khoản đóng 6.000.000 đồng theo bà S trình bày đã đóng cho chị T trong dây hội này. Đây là nghĩa vụ đóng hội “chết” phát sinh từ việc đã hót hội (đã nhận tiền hội), không phải là khoản "góp hội" chưa được hưởng, nên không có cơ sở hoàn trả cho bà S. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp yêu cầu phản tố của bà S là có căn cứ.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7- Đồng Tháp).

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận;

Do kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc S không được chấp nhận nên bà S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, do bà S thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn theo qui định.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 38; Điều 147; Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc S;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Nguyễn Ngọc S. Buộc bà Nguyễn Ngọc S phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền hội còn nợ của dây hội mở ngày 24/5/2022 âm lịch là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Ngọc S về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T hoàn trả lại số tiền hụi chết đã đóng trong dây hụi mở ngày 24/5/2022 âm lịch với số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu ông Đặng Văn L có nghĩa vụ cùng với bà Nguyễn Ngọc S trả nợ cho chị T.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

Chị Nguyễn Thị Thanh T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001629 ngày 26/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Tháp).

- Về án phí phúc thẩm:

Bà S được miễn nộp án phí phúc thẩm do là người cao tuổi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng TT,KT và THA TAND Tỉnh;
- TAND KV7;
- VKSND KV7;
- THADS Tỉnh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS ^(L.Hùng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành